TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS - ST
Ngày: 10/9/2018
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất nông nghiệp"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ – HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Phạm Tiến Lợi** và ông **Nguyễn Hữu Trọng**

Thư ký phiên toà: Bà **Đỗ Thị Luân –** Thư ký Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà **Triệu Thị Hồng –** Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất nông nghiệp*" thụ lý số 07/2018/TLST-DS, ngày 04/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXX – DSST ngày 27/7/2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 08/2018/QĐST-DS ngày 22/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đặng Cao K**, sinh năm 1942. Trú tại: Số nhà 26/15 đường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hoà.

* Người đại diện theo uỷ quyền của ông K: Ông **Đặng Minh D**, sinh năm 1956. Trú tại: Số 123, ngõ T, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông **Mai Văn L** - Luật sư, công tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh **Đặng Văn Ng**, sinh năm 1964

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía Nguyên đơn**:

3.1.1. Bà **Đặng Thị Th**, sinh năm 1933 (chị gái ông K);

3.1.2. Bà **Đặng Thị Kh**, sinh năm 1939 (chị gái ông K);

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Th, bà Kh: Ông Đặng Minh D, sinh năm 1956.

3.2. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía Bị đơn**:

3.2.1. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1939;

3.2.2. Chị **Nguyễn Thị Th1**, sinh năm 1968 (vợ anh Đặng Văn Ng);

3.2.3. Anh **Đặng Văn Đ**, sinh năm 1990 (con anh Ng – chị Th1);

3.2.4. Anh **Đặng Văn N**, sinh năm 1993 (con anh Ng – chị Th1);

Đều trú tại: Thôn L, xã LĐ, huyện C, Hà Nội.

Có mặt: ông D, luật sư Mai Văn L;

Vắng mặt: anh Ng, bà L, chị Th1, anh Đ, anh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/3/2018 của Nguyên đơn - ông Đặng Cao K và lời khai bổ sung của người đại diện theo ủy quyền - ông Đặng Minh D trình bày:

Cụ Nguyễn Thị D và cụ Đặng Văn K1 có 03 người con là: Bà Đặng Thị Th, bà Đặng Thị Kh, ông Đặng Cao K. Cụ K1 chết năm 1945; cụ D chết năm 1981, không để lại di chúc; Ông K kết hôn với bà Nguyễn Thị L năm 1959; anh Đặng Văn Ng là con riêng của bà L, chứ không phải là con chung của ông K và bà L.

Năm 2014, ông K và bà L đã ly hôn theo Bản án Hôn nhân gia đình phúc thẩm số 103/2014/HNGĐ-PT ngày 31/12/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Năm 2016, ông K đã khởi kiện bà Nguyễn Thị L về việc đòi lại di sản thừa kế là nhà và đất ở; yêu cầu này của ông K đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết tại Bản án dân sự phúc thẩm số 74/2017/DSPT ngày 12/5/2017, khi giải quyết vụ án này ông K không yêu cầu giải quyết di sản thừa kế của cụ D là quyền sử dụng đất nông nghiệp.

Nay ông K khởi kiện, yêu cầu Tòa án huyện Chương Mỹ, buộc anh Ng phải trả lại cho ông K: Phần diện tích đất nông nghiệp tiêu chuẩn của ông K được Nhà nước chia và di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị D là quyền sử dụng đất nông nghiệp, cụ thể như sau: Trong Giấy CNQSDĐ nông nghiệp của hộ ông Đặng Văn Ng do UBND huyện C cấp ngày 24/9/1999, được cấp lại ngày 30/12/2016 sau dồn điền đổi thửa có một thửa đất nông nghiệp loại 5% thuộc xứ đồng N, thôn L, xã LĐ, huyện C, Hà Nội, diện tích 195m^2. Diện tích đất này là tiêu chuẩn của 03 khẩu: cụ Nguyễn Thị D, ông Đặng Cao K, bà Nguyễn Thị L, mỗi khẩu là 65m^2. Tuy

nhiên đo thực tế ngày 15/6/2018 là 214,3m^2, do vậy yêu cầu khởi kiện của ông K đến nay là đề nghị anh Ng phải trả lại cho ông K bao gồm tiêu chuẩn của ông K và của cụ D [(214,3 : 3) x 2] = 142,8m^2.

Bị đơn – anh Đặng Văn Ng trình bày và xác nhận:

Nguồn gốc thửa đất nông nghiệp (loại đất 5%) diện tích 195m^2 tại xứ đồng khu con Nhện trong Giấy CNQSDĐ nông nghiệp đứng tên hộ ông Đặng Văn Ng do UBND huyện C cấp ngày 24/9/1999, được cấp lại ngày 30/12/2016 sau dồn điền đổi thửa năm 2012 là tiêu chuẩn của khẩu: cụ Nguyễn Thị D, ông Đặng Cao K, bà Nguyễn Thị L, mỗi khẩu là 64,8m^2.

Năm 1959 ông K kết hôn với bà Nguyễn Thị L, sau khi kết hôn bà L về chung sống với ông K và cụ D. Năm 1962 ông K đi bộ đội, từ đó không về. Năm 1981 cụ D chết, không để lại di chúc.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông K, gia đình anh không nhất trí với các L do sau: Ông K đi bộ đội từ năm 1962 không về địa phương, nên không có nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp để canh tác. Cụ D, trước khi chết không để lại di chúc, nhưng khi còn sống cụ D đã cho mẹ con anh toàn bộ tài sản là nhà cửa, đất đai (bao gồm đất ở, đất nông nghiệp); khi cụ D còn sống đã được mẹ con anh chăm sóc phục dưỡng, khi cụ D chết gia đình đã lo mai táng, sang cát.

Phần diện tích tăng lên là do công sức của hộ gia đình anh trong quá trình canh tác sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩavụ liên quan là bà Đặng Thị Kh, Đặng Thị Th, do ông Đặng Minh D đại diện ủy quyền trình bày: Bà Th, bà Kh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông K, tiêu chuẩn của hai bà được hưởng phần di sản thừa kế của cụ D là 71,4m^2 đất nông nghiệp nói trên thì hai bà cùng giao phần tài sản chung của mình được hưởng cho ông K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía anh Ng là bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Th1, anh Đặng Văn Đ, Đặng Văn N đều trình bày và xác nhận:

Năm 1959 ông K kết hôn với bà Nguyễn Thị L, sau khi kết hôn bà L về chung sống với ông K và cụ D. Năm 1962 ông K đi bộ đội, từ đó không về. Năm 1981 cụ D chết, không để lại di chúc. Năm 1988 chị Nguyễn Thị Th1 kết hôn với anh Ng.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông K, gia đình có đồng quan điểm như quan điểm của anh Ng.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản cùng ngày 16/5/2018, xác định diện tích thửa đất và giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp như sau: diện tích đất đo thực tế là 214,3m^2 x 135.000 đồng/m^2 = 28.930.000 đồng.

Tại biên bản xác minh ngày 15/6/2018 tại Uỷ ban nhân dân xã LĐ: Nguồn gốc đất nông nghiệp (loại đất 5%) tại xứ đồng N – thôn L – xã LĐ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ anh Đặng Văn Ng do UBND huyện C cấp ngày 24/9/1999, được cấp lại ngày 30/12/2016 sau dồn điền đổi thửa với diện tích 195m^2 là tiêu chuẩn của Nhà nước giao cho 03 khẩu: cụ Nguyễn Thị D, ông Đặng Cao K, bà Nguyễn Thị L, mỗi khẩu 65m^2. Theo phương án dồn điền đổi thửa thì chỉ dồn đất nông nghiệp quỹ I, còn đất 5% không dồn điền đổi thửa, để nguyên vị trí. Phần diện tích tăng 19,3m^2 so với diện tích được giao là do trong quá trình sử dụng các hộ lấn chiếm bờ mương và phần diện tích tăng là cho phép, nằm trong quy hoạch đất canh tác, nếu hộ kê khai thì đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp.

*** Tại phiên toà**:

- Đại diện uỷ quyền của Nguyên đơn, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Th, bà Kh) đứng về phía Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và quan điểm đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn trình bày bản luận cứ, bảo vệ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Căn cứ pháp lý để khẳng định ông K và cụ D được Nhà nước giao đất 5% là Thông tư 449/TTg ngày 17/12/1959 của Phủ Thủ tướng ban hành kèm theo Điều lệ mẫu của Hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp, tại Điều 9 có ghi "*Ruộng đất của xã viên phải giao cho Hợp tác xã thống nhất sử dụng, nhưng để chiếu cố nhu cầu sinh hoạt riêng của xã viên trồng rau, trồng hoa quả, trồng chàm v.v.., ngoài đất nền nhà, sân, chuồng trâu, chuồng lợn, đống rơm, cần để lại cho mỗi gia đình xã viên một ít đất, theo mức mỗi nhân khẩu không quá 5% diện tích đất bình quân mỗi nhân khẩu trong xã*…". Tại thời điểm giao ruộng năm 1959 ở thôn L – xã LĐ, mỗi nhân khẩu được giao 65m^2, hộ gia đình cụ D lúc đó có 03 nhân khẩu là cụ D, ông K, bà L, nên được 195m^2. Do vậy ông K có quyền đòi lại phần tài sản của ông K và có quyền đòi lại phần tài sản là di sản thừa kế của cụ D. Do diện tích đo thực tế là 214,3m^2, nên đề nghị Hội đồng xét xử xác định tiêu chuẩn cụ D, ông K mỗi người là 71,4m^2. Quan điểm của phía Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía Bị đơn cho

rằng: 1. Ông K đã không về sinh sống tại địa phương, không có nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp, nên ông K không có quyền đòi là không đúng. Theo quy định của Luật đất đai năm 1993, 1987 thì cá nhân được giao đất nông nghiệp nếu không có nhu cầu sử dụng thì sẽ bị Nhà nước thu hồi lại; còn theo Luật đất đai năm 2013 thì không còn quy định này, đến nay ông K có nhu cầu sử dụng thì ông K có quyền đòi lại; 2. Họ đã có công sức duy trì, cải tạo thửa đất và có công sức chăm sóc cụ D, lo tang cho cụ D là không đúng, vì thực tế khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định thì gia đình anh Ng cũng không canh tác, bà L, anh Ng không có công sức chăm sóc cụ D mà chính cụ D lại có công giúp bà L trong việc chăm sóc anh Ng, chị Tình (là 02 con riêng của bà L). Về án phí: Ông K là người cao tuổi, là người có công với cách mạng, do vậy nếu ông K thuộc trường hợp được miễn án phí thì đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông K.

Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự, Nguyên đơn, người có quyền lợi Ng vụ liên quan đứng về phía Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của họ trong vụ án đã chấp hành nghiêm chỉnh trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ L vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn và người có quyền lợi, Ng vụ liên quan đứng về phía Bị đơn chưa chấp hành hết quyền và Ng vụ của họ.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Xác định diện tích tiêu chuẩn của cụ D, ông K mỗi người là 65m^2, không chia theo diện tích đo thực tế; phần diện tích tăng 19,3m^2 thì tạm giao cho hộ anh Ng.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất nông nghiệp tại thôn L, xã LĐ, huyện C, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về sự tham gia tố tụng của chị Nguyễn Thị Th1, anh Đặng Văn N, anh Đặng Văn Đ: Theo lời khai của anh Ng, chị Th1 thì hộ gia đình anh Ng có 05 thành viên (anh Ng, chị Th1, anh Đ, anh N, bà L) được giao đất nông nghiệp và trực tiếp tham gia sản xuất canh tác tại thửa đất nông nghiệp đang tranh chấp, nên Tòa án đã

đưa chị Nguyễn Thị Th1, anh Đặng Văn N, anh Đặng Văn Đ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, Ng vụ liên quan.

[1.3]. Về việc vắng mặt của Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía Bị đơn: Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các đương sự này đã có bản tự khai trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; tuy nhiên đến các giai đoạn tố tụng tiếp theo họ vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành xác minh về việc vắng mặt của những người này và đã làm thủ tục giao và niêm yết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh Ng, bà L, chị Th1, anh Đ, anh N.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về nguồn gốc tài sản tranh chấp:

Trên cơ sở trình bày thống nhất của các đương sự, kết quả xác minh thu thập chứng cứ và các tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định:

Cụ Đặng Văn K1 (chết năm 1945) và cụ Nguyễn Thị D (chết năm 1981) có 03 người con là bà Đặng Thị Th, bà Đặng Thị Kh, ông Đặng Cao K. Năm 1953 bà Th đi kết hôn; năm 1957 bà Kh đi kết hôn; năm 1959 ông K kết hôn với bà Nguyễn Thị L, bà L về sinh sống cùng ông K, cụ D. Năm 1962, ông K đi bộ đội, từ đó không về địa phương sinh sống cùng với cụ D, bà L nữa. Năm 1988 anh Ng kết hôn với chị Nguyễn Thị Th1. Năm 2014, ông K và bà L đã ly hôn theo Bản án Hôn nhân gia đình phúc thẩm số 103/2014/HNGĐ-PT ngày 31/12/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. Năm 2016, ông K đã khởi kiện bà Nguyễn Thị L về việc đòi lại di sản thừa kế là nhà và đất ở của cụ Nguyễn Thị D, yêu cầu này của ông K đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết tại Bản án dân sự phúc thẩm số 74/2017/DSPT, ngày 12/5/2017, khi giải quyết vụ án này ông K không yêu cầu giải quyết di sản thừa kế của cụ D là quyền sử dụng đất nông nghiệp.

Nguồn gốc thửa đất nông nghiệp (loại đất 5%) tại xứ đồng N – thôn L – xã LĐ – C, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ anh Đặng Văn Ng do Uỷ ban nhân dân huyện C cấp ngày 24/9/1999, được cấp lại ngày 30/12/2016 sau dồn điền đổi thửa là tiêu chuẩn của Nhà nước giao cho hộ cụ Nguyễn Thị D theo Thông tư 449/TTg ngày 17/12/1959 của Phủ Thủ Tướng ban hành kèm theo Điều lệ mẫu của Hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp gồm 03 khẩu: cụ Nguyễn Thị D, ông Đặng Cao K, bà Nguyễn Thị L, mỗi khẩu được 65m^2, tổng 195m^2.

[2.2]. Xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Cao K về việc đòi lại phần tiêu chuẩn đất của ông K được giao và đòi lại tài sản là di sản thừa kế của cụ D được giao, mỗi người 71,4m^2 đất nông nghiệp, thì thấy:

Về tiêu chuẩn đất của ông K: Căn cứ Thông tư 449/TTg ngày 17/12/1959 của Phủ Thủ Tướng ban hành kèm theo Điều lệ mẫu của Hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp và điểm a khoản 2 Điều 131 Luật đất đai năm 2013 "*Hộ gia đình, cá nhân đã được Nhà nước giao đất trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục sử dụng theo quy định của Luật này*" và kết quả thu thập chứng cứ tại UBND xã LĐ, thì ông K có quyền đòi lại quyền sử dụng đất nông nghiệp của ông K.

Về di sản của cụ D: Đến nay cả ông K, bà Th, bà Kh (là hàng thừa kế thứ nhất của cụ D) đều thống nhất cụ D khi chết không để lại di chúc. Tại phần "Ghi chú" của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp hộ anh Đặng Văn Ng cấp lại ngày 30/12/2016 sau dồn điền đổi thửa cũng thể hiện rõ trong hộ anh Ng có cụ Nguyễn Thị D đã chết chưa khai nhận thừa kế. Phía anh Ng, bà L, chị Th1 cũng xác nhận khi chết cụ D không để lại di chúc, nhưng cho rằng khi cụ D còn sống cụ D đã có nguyện vọng cho mẹ con, vợ chồng anh, tuy nhiên cả anh Ng, bà L, chị Th1 đều không có căn cứ nào chứng minh việc cụ D đã tặng cho đất nông nghiệp này.

Căn cứ Điều 209, 219 Bộ luật dân sự năm 2015, ông K có quyền đòi lại tài sản là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị D trong tổng số 195m^2 đất 5% tại xứ đồng N – thôn L – xã LĐ – C, trong Giấy CNQSDĐ nông nghiệp của hộ anh Đặng Văn Ng do Uỷ ban nhân dân huyện C cấp lại sau dồn điền đổi thửa ngày 30/12/2016.

Về diện tích đất tranh chấp: Đại diện theo ủy quyền của ông K cũng thừa nhận mỗi khẩu chỉ được giao 65m^2 và tại thời điểm giao ruộng thì không biết diện tích thực tế là bao nhiêu, nhưng nay ông K vẫn đề nghị Hội đồng xét xử xác định và chia phần diện tích của mỗi khẩu được hưởng theo kết quả đo đạc xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/6/2018 (214,3m^2 : 3) là 71,4m^2, phần ông K và cụ D là 142,8m^2 thì thấy: Theo Ủy ban nhân dân xã LĐ cung cấp, phần diện tích tăng 19,3m^2 so với diện tích được giao là do trong quá trình sử dụng các hộ lấn chiếm bờ mương và phần diện tích tăng nằm trong quy hoạch đất canh tác. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận đề nghị này của ông K và phải xác định diện tích mỗi khẩu được giao là 65m^2; phần diện tích tăng 19,3m^2 thuộc quyền quản lý sử dụng của hộ anh Ng.

Xét đề nghị của anh Ng, bà L về việc xem xét công sức của họ trong việc chăm sóc, phụng dưỡng, lo mai táng, sang cát cho cụ D, thì thấy: Ông K đi bộ đội

từ năm 1962, cụ D đã chung sống ăn ở cùng với bà L, anh Ng, do vậy anh Ng, bà L có công chăm sóc anh Ng, bà L. Tuy nhiên, năm 2016 ông K đã có yêu cầu khởi kiện đối với bà L về việc đòi lại tài sản là di sản của cụ D là quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 324 ở thôn L – xã LĐ – C. Tại bản án dân sự phúc thẩm số74/2017/DSPT ngày 12/5/2017, thì công sức của anh Ng, bà L trong việc chăm sóc, phụng dưỡng, lo mai táng, sang cát cho cụ D đã được xem xét, do vậy đến nay không được xem xét nữa.

Xét đề nghị của anh Ng, bà L, chị Th1 về việc xem xét công sức duy trì, tôn tạo thửa đất 5% thì thấy: Ông K đã không canh tác sử dụng đất từ năm 1962, cụ D chết năm 1981, như vậy anh Ng, bà L, chị Th1 đã có công sức duy trì tôn tạo thửa đất trên 40 năm. Căn cứ Án lệ số 05/2016 ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao ban hành kèm theo Quyết định công bố số 220 ngày 06/4/2016 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 134 Luật đất đai năm 2013 "*Người sử dụng đất trồng lúa có trách nhiệm cải tạo, làm tăng độ màu mỡ của đất*..." thì cần phải trích công sức cho anh Ng, bà L, chị Th1 trong việc duy trì, tôn tạo tài sản của ông K và di sản của cụ L tổng giá trị là 1.350.000 đồng (ông K/cụ D mỗi người là 675.000 đồng), tương đương 10m^2.

Do vậy giá trị tài sản của ông K, giá trị di sản thừa kế của cụ D, mỗi phần là 8.100.000 đồng, tổng cộng hai phần là 16.200.000 đồng, tương đương 120m^2. Như vậy yêu cầu khởi kiện của ông K chỉ được chấp nhận một phần.

Bà Th, bà Kh cùng thống nhất giao phần di sản được hưởng cho ông K, nên ghi nhận sự tự nguyện này của đương sự.

[2.3]. Phân chia hiện vật:

- Phân chia cho ông Đặng Cao K được quyền quản lý sử dụng 120m^2 đất nông nghiệp (loại đất 5%) giá trị 16.200.000 đồng, tại xứ đồng N – thôn L – xã LĐ – C, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đứng tên hộ ông Đặng Văn Ng do Uỷ ban nhân dân huyện C cấp lại sau dồn điền đổi thửa ngày 30/12/2016. Vị trí: Bắc giáp ông Đ1 dài 16,15m; Nam giáp đất giao hộ anh Ng dài 16,13m; Đông giáp hộ ông Th dài 6,98m và hộ ông V dài 0,42m; Tây giáp mương dài 7,46m; được giới hạn bởi các điểm (2, 3, 4, 5, 6, 2) trên sơ đồ phân chia (có sơ đồ kèm theo bản án).

- Phân chia cho hộ anh Đặng Văn Ng được quyền quản lý sử dụng 94,3m^2 đất nông nghiệp (loại đất 5%) giá trị 12.730.000 đồng, tại xứ đồng N – thôn L – xã LĐ – C, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đứng tên hộ ông Đặng Văn Ng do Uỷ ban nhân dân huyện C cấp lại sau dồn điền đổi thửa ngày

30/12/2016. Vị trí: Bắc giáp đất giao cho ông K dài 16,13m; Nam giáp đất hộ bà T dài 16,10m; Đông giáp đất hộ ông Th dài 5,85m; Tây giáp mương dài 5,85m; được giới hạn bởi các điểm (2, 6, 7, 1, 2) trên sơ đồ phân chia.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Xét thấy Nguyên đơn – ông K sinh năm 1942, đến nay là 76 tuổi. Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, thì ông K là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí; số tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp sẽ được hoàn trả lại.

[3.2]. Xét thấy phần đất giao cho hộ anh Ng 94,3m^2 thì có tiêu chuẩn phần của bà L 65m^2, giá trị 8.775.000 đồng; còn lại của các thành viên trong hộ anh Ng là 20,3m^2 giá trị 2.740.000 đồng.

- Xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà L sinh năm 1939, đến nay là 79 tuổi, do vậy bà L cũng là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

- Hộ anh Ng do anh Ng đại diện phải chịu án phí dân sự đối với phần giá trị tài sản được hưởng (2.740.000 đồng) là: 300.000đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26; điểm c khoản 1 Điều 39; 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 2 Điều 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 209, 219 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 2 Điều 131; khoản 2 Điều 134 Luật đất đai năm 2013;

Án lệ số 05/2016 ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao ban hành kèm theo Quyết định công bố số 220 ngày 06/4/2016 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao;

Điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Cao K về yêu cầu đòi lại tài sản đối với anh Đặng Văn Ng.

2. Xác nhận tài sản còn lại của ông Đặng Cao K được hưởng là 60m^2 đất nông nghiệp (loại đất 5%) có giá trị 8.100.000 đồng, tại xứ đồng N – thôn LX – xã LĐ – huyện C, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đứng tên hộ

ông Đặng Văn Ng do Uỷ ban nhân dân huyện C cấp lại sau dồn điền đổi thửa ngày 30/12/2016.

3. Xác nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị D còn lại 60m^2 đất nông nghiệp (loại đất 5%) có giá trị 8.100.000 đồng, tại xứ đồng N – thôn L – xã LĐ – huyện C, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đứng tên hộ ông Đặng Văn Ng do Uỷ ban nhân dân huyện C cấp lại sau dồn điền đổi thửa ngày 30/12/2016.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng Thị Kh, Đặng Thị Th cùng giao toàn bộ phần di sản thừa kế được hưởng cho ông Đặng Cao K.

5. Giao cho ông Đặng Cao K được quyền quản lý sử dụng 120m^2 đất nông nghiệp có giá trị 16.200.000 đồng, tại xứ đồng N – thôn L – xã LĐ – huyện C, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đứng tên hộ ông Đặng Văn Ng do Uỷ ban nhân dân huyện C cấp lại sau dồn điền đổi thửa ngày 30/12/2016.

Vị trí đất được giao: Bắc giáp ông Đ1 dài 16,15m; Nam giáp đất giao hộ anh Ng 16,13m; Đông giáp hộ ông Th dài 6,89m và hộ ông V dài 0,42m; Tây giáp mương dài 7,46m; được giới hạn bởi các điểm (3,4,5,6,2,3) trên sơ đồ phân chia (có sơ đồ kèm theo bản án).

6. Giao cho hộ anh Đặng Văn Ng được quyền quản lý sử dụng 94,3m^2 đất nông nghiệp (loại đất 5%) có giá trị 12.730.000 đồng, tại xứ đồng N – thôn L – xã LĐ – huyện C, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đứng tên hộ ông Đặng Văn Ng do Uỷ ban nhân dân huyện C cấp lại sau dồn điền đổi thửa ngày 30/12/2016.

Vị trí đất được giao: Bắc giáp đất giao cho ông K dài 16,13m; Nam giáp đất hộ bà T dài 16,10m; Đông giáp đất hộ ông Th dài 5,85m; Tây giáp mương dài 5,85m; được giới hạn bởi các điểm (1,2,6,7,1) trên sơ đồ phân chia (có sơ đồ kèm theo bản án).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

7. Về án phí:

7.1. Miễn tiền án phí cho ông Đặng Cao K. Hoàn trả lại cho ông K số tiền tạm ứng đã nộp 615.000đồng theo Biên lai nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2015/0003321 ngày 02/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

7.2. Miễn tiền án phí cho bà Nguyễn Thị L.

7.3. Anh Đặng Văn Ng phải chịu án phí dân sự là **300.000** (ba trăm ngàn) đồng.

Án xử sơ thẩm, Nguyên đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
-Lu HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Tuyết Mai